

Báo cáo Thị trường Lúa gạo

Tháng 1 2024

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường lúa gạo trong nước và thế giới.



Mục lục

| | |
|--|-----------|
| Tóm tắt | 03 |
| Phần I: Thị trường gạo thế giới | 04 |
| 1. Sản lượng, tiêu thụ | 04 |
| 2. Tình hình xuất nhập khẩu | 07 |
| 3. Diễn biến giá | 10 |
| Phần II: Thị trường gạo Việt Nam | 13 |
| 1. Sản xuất | 13 |
| 2. Xuất khẩu | 13 |
| 3. Diễn biến giá | 15 |
| 4. Tình hình nhập khẩu | 17 |
| Phần III: Dự báo | 18 |
| Phần IV: Hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành | 19 |
| Phần V: Chính sách | 21 |
| Phụ lục | 22 |

Viết tắt, giải nghĩa

Bulog: Cơ quan Hậu cần quốc gia Indonesia

CRF: Liên đoàn Lúa gạo Campuchia

DA: Bộ Nông nghiệp Philippines

FAO: Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc

IGC: Hội đồng ngũ cốc quốc tế

PBS: Cục Thống kê Pakistan

PSA: Cơ quan Thống kê Philippines

USDA: Bộ Nông nghiệp Mỹ

VFA: Hiệp hội Lương thực Việt Nam

Để thuận tiện hơn trong việc xem và tra cứu báo cáo này, xin mời quý vị tải bản PDF về và xem trên các phần mềm chuyên dụng như Adobe PDF Reader hoặc Foxit Reader.

Tóm tắt

- Trong báo cáo tháng 2, Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo tiêu thụ gạo toàn cầu trong niên vụ 2023-2024 ở mức kỷ lục 522,9 triệu tấn, tăng 3 triệu tấn so với niên vụ trước và vượt sản lượng tới 9,2 triệu tấn. Với kết quả này, tồn kho cuối kỳ toàn cầu dự kiến ở mức 167,2 triệu tấn - mức thấp nhất trong 6 năm.
- Thương mại gạo toàn cầu trong năm 2024 được USDA dự báo đạt 52,4 triệu tấn (xay xát), tăng 0,2 triệu tấn so với dự báo trước đó nhưng thấp hơn 0,4 triệu tấn so với niên vụ 2022-2023. Các nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới theo thứ tự lần lượt là Ấn Độ với 16,5 triệu tấn, Thái Lan 8,2 triệu tấn, Việt Nam 7,6 triệu tấn và Pakistan 5,1 triệu tấn.
- Do ảnh hưởng bởi các biện pháp hạn chế xuất khẩu, năm 2023 vận chuyển gạo của Ấn Độ ra thị trường thế giới chỉ đạt 17,9 triệu tấn, giảm 19,8% so với năm 2022. Chính phủ nước này cũng đang xem xét giữ thuế xuất khẩu gạo ở mức 20% sau khi hết hiệu lực vào ngày 31/03.
- Bộ Thương mại Thái Lan cho biết khối lượng gạo xuất khẩu của nước này trong năm 2024 có thể chỉ đạt 7,5 triệu tấn, giảm 14,4% so với năm ngoái, do sản lượng thấp hơn và cạnh tranh gia tăng.
- Tính đến giữa tháng 2/2024, giá gạo đồ xuất khẩu của Ấn Độ đã tăng lên mức cao kỷ lục ngay cả khi nhu cầu từ các khách hàng châu Phi chậm lại. Trong khi đó, giá có sự điều chỉnh giảm tại Việt Nam và Thái Lan.
- Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng đầu năm đạt 512.265 tấn, trị giá 362,3 triệu USD, tăng 4% về lượng và tăng 7% về trị giá so với tháng 12/2023, đồng thời tăng 42,8% về lượng và tăng tới 94,5% về trị giá so với tháng 1/2023 (tháng có nhiều ngày nghỉ Tết Nguyên đán Quý Mão).
- Trong tháng 1, xuất khẩu gạo sang thị trường Pháp tăng đột biến 164 lần (16.339%) so với tháng trước. Đặc biệt, giá gạo xuất khẩu bình quân sang thị trường này lên đến 1.040 USD/tấn - cao nhất trong số các thị trường nhập khẩu gạo của Việt Nam.
- Tính đến đầu tháng 2, giá lúa gạo tại các tỉnh ĐBSCL đã giảm từ 3 - 8% (534 – 1.288 đồng/kg) so với cuối năm ngoái. Thị trường hiện đang tiếp tục điều chỉnh giảm sau Tết Nguyên đán Giáp Thìn do sức ép nguồn cung từ vụ thu hoạch Đông Xuân – vụ mùa lớn nhất năm.
- Năm 2023, giá gạo tăng cao giúp cho doanh thu của nhiều doanh nghiệp đạt kỷ lục từ trước đến nay, song dưới sức ép của giá vốn, chi phí và nhiều yếu tố khách quan, lợi nhuận của doanh nghiệp ngành gạo ghi nhận lãi mỏng, sụt giảm mạnh hoặc thậm chí là lỗ.

Phần I: THỊ TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI



USDA dự báo tiêu thụ gạo toàn cầu trong niên vụ 2023-2024 ở mức kỷ lục 522,9 triệu tấn, vượt sản lượng 9,2 triệu tấn. Tính đến giữa tháng 2, giá gạo của Ấn Độ đã tăng lên mức kỷ lục, trong khi tại Việt Nam và Thái Lan có sự điều chỉnh giảm do vụ thu hoạch lớn đang chuẩn bị được đưa vào thị trường.

1 Sản xuất - Tiêu thụ

a. Sản xuất

Trong báo cáo tháng 2, Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) đã nâng dự báo sản lượng gạo toàn cầu trong niên vụ 2023-2024 lên mức kỷ lục 513,7 triệu tấn (xay sát), tăng 0,2 triệu tấn so với dự báo trước và tăng 0,8 triệu tấn so với niên vụ 2022-2023.

Trong tháng này, USDA tăng dự báo sản lượng ở Sri Lanka và Uzbekistan bù đắp cho mức giảm ở Philippines và Kazakhstan.

Còn so với niên vụ trước, sản lượng gạo được dự báo tăng tại Argentina, Australia, Brazil, Myanmar, Campuchia, Colombia, Ai Cập, Liên minh châu Âu, Ghana, Triều Tiên, Pakistan, Nga, Sri Lanka, Tanzania, Mỹ và Uruguay. Trong đó, Pakistan và Mỹ được dự báo sẽ đạt được mức tăng sản lượng lớn nhất vào niên vụ 2023-2024 sau một vụ mùa nhỏ bất thường vào niên vụ 2022-2023 do thời tiết bất lợi.

Tổng nguồn cung gạo toàn cầu niên vụ 2023-2024 theo dự kiến đạt 690,1 triệu tấn, tăng 0,7

triệu tấn so với dự báo trước đó nhưng vẫn thấp hơn 6,2 triệu tấn so với niên vụ 2022-2023 và là năm thứ hai liên tiếp nguồn cung gạo toàn cầu giảm.

Sự sụt giảm nguồn này chủ yếu là do lượng tồn kho đầu vụ 2023-2024 giảm 6,9 triệu tấn xuống còn 176,3 triệu tấn, con số này cao hơn nhiều so với mức tăng 0,8 triệu tấn dự kiến trong sản xuất toàn cầu. Trong đó, Trung Quốc chiếm phần lớn sự sụt giảm lượng tồn kho gạo toàn cầu trong niên vụ 2023-2024, với mức giảm 6,4 triệu tấn xuống còn 106,6 triệu tấn.

b. Tiêu thụ

USDA dự báo tiêu thụ gạo toàn cầu trong niên vụ 2023-2024 ở mức kỷ lục 522,9 triệu tấn, tăng 0,8 triệu tấn so với dự báo trước đó và tăng 3 triệu tấn so với niên vụ 2022-2023. Với dự báo này, tiêu thụ gạo toàn cầu dự kiến vượt sản lượng tới 9,2 triệu tấn.

Indonesia, Malaysia, Philippines, Oman, Ả Rập Saudi và Tanzania chiếm phần lớn mức điều chỉnh tăng trong tiêu thụ toàn cầu trong tháng này.

Trên cơ sở hàng năm, tiêu thụ gạo trong niên vụ 2023-2024 của Ấn Độ được dự đoán sẽ tăng gần 3,5 triệu tấn lên mức kỷ lục 118 triệu tấn. Bên cạnh đó, lượng tiêu thụ của Mỹ dự kiến sẽ tăng gần 0,54 triệu tấn lên mức kỷ lục 5,1 triệu tấn.

c. Tồn kho

Tồn kho cuối kỳ toàn cầu trong niên vụ 2023-2024 dự kiến ở mức 167,2 triệu tấn, giảm 9,2

triệu tấn so với niên vụ trước và là mức thấp nhất trong 6 năm.

Trong tháng này, USDA hạ dự báo tồn kho cuối niên vụ 2023-2024 đối với Trung Quốc, Nigeria, Pakistan, Philippines và Mỹ, nhưng nâng dự báo tồn kho tại Indonesia, Sri Lanka, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất và Việt Nam.

Còn so với niên vụ trước, Trung Quốc và Ấn Độ là nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm tồn kho cuối kỳ toàn cầu. Cụ thể, tồn kho cuối niên vụ 2023-2024 của Trung Quốc được dự đoán sẽ giảm 5% xuống còn 101,4 triệu tấn và của Ấn Độ được dự đoán sẽ giảm 6% xuống còn 33 triệu tấn. Hai quốc gia này chiếm hơn 80% lượng tồn kho cuối kỳ toàn cầu.

Tỷ lệ dự trữ để sử dụng cuối niên vụ 2023-224 trên toàn cầu ước tính là 32%, giảm so với mức 33,9% một năm trước đó và là mức nhỏ nhất kể từ năm 2016-2017 (**Biểu đồ 1**).

d. Thương mại

Thương mại gạo toàn cầu trong năm 2024 dự kiến đạt 52,4 triệu tấn (xay xát), tăng 0,2 triệu tấn so với dự báo trước đó nhưng thấp hơn 0,4 triệu tấn so với niên vụ 2022-2023.

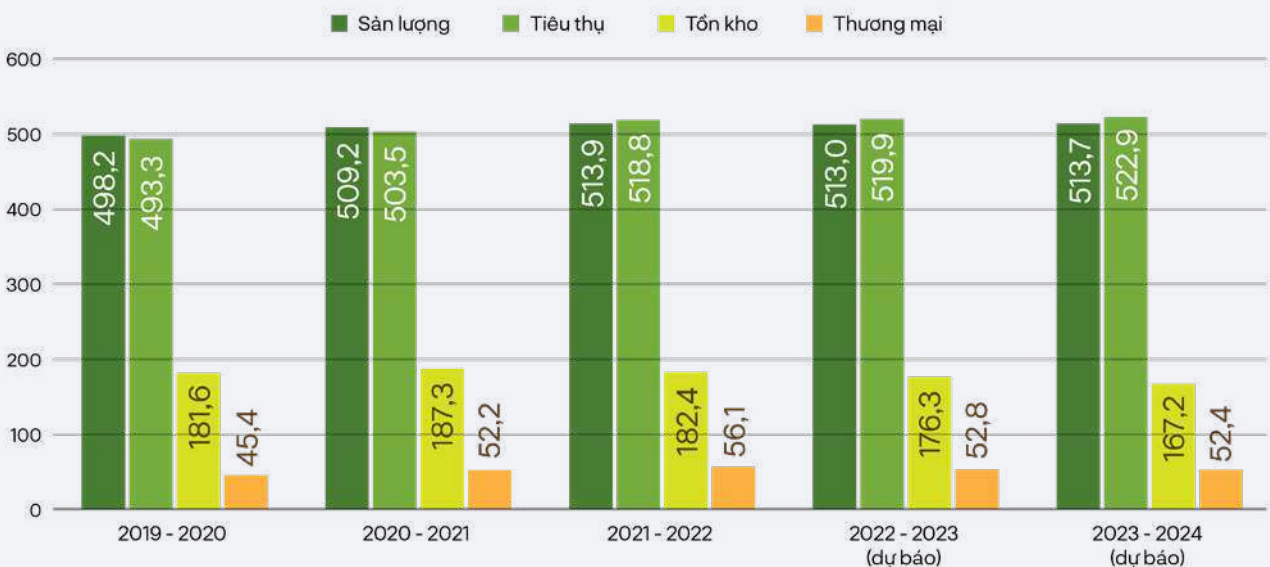
Đồng thời USDA cũng điều chỉnh ước tính thương mại gạo toàn cầu năm 2023 xuống còn 52,8 triệu tấn, thấp hơn 3,3 triệu tấn so với mức cao kỷ lục của năm trước đó.

Sự sụt giảm đáng kể trong thương mại gạo toàn cầu vào năm 2023 và năm 2024 phần lớn là do các lệnh cấm và các hạn chế xuất khẩu được Chính phủ Ấn Độ thực hiện trong năm 2022 và 2023.

Các nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới trong năm 2024 theo thứ tự lần lượt là Ấn Độ với 16,5 triệu tấn, Thái Lan 8,2 triệu tấn, Việt Nam 7,6 triệu tấn và Pakistan 5,1 triệu tấn. Trong đó chỉ có duy nhất Pakistan được dự báo tăng còn lại đều giảm (**Biểu đồ 2**).

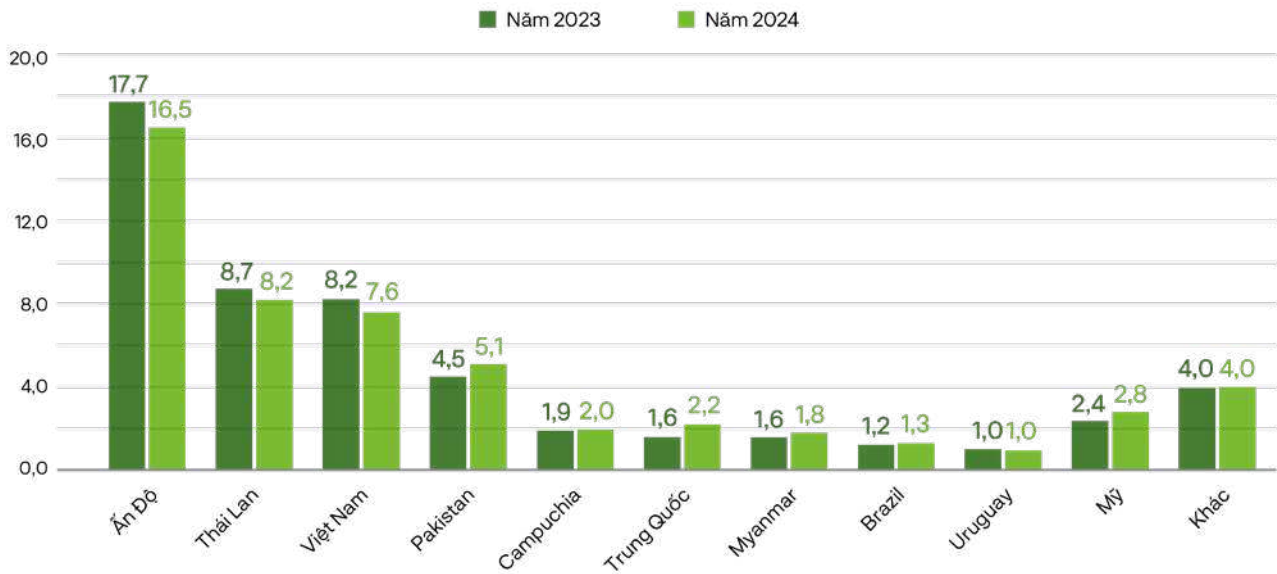
Biểu đồ 1: Cung – cầu gạo thế giới từ niên vụ 2019 - 2020 đến 2023 - 2024

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: USDA.



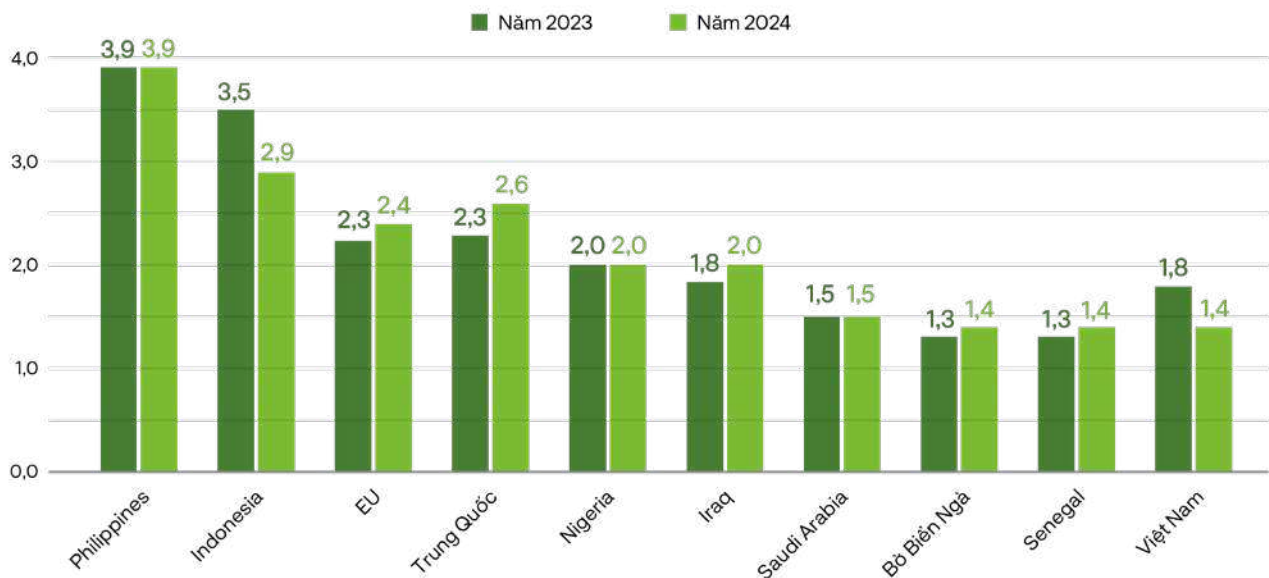
Biểu đồ 2: Dự báo xuất khẩu gạo của các nước sản xuất hàng đầu trong năm 2023-2024

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: USDA.



Biểu đồ 3: Dự báo nhập khẩu gạo của các quốc gia hàng đầu trong năm 2023-2024

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: USDA.




Về phía nhập khẩu năm 2024, USDA nâng dự báo nhập khẩu trong tháng này đối với Indonesia, Mozambique, Oman, Ả Rập Saudi, Tanzania, Thái Lan và Mỹ, nhưng lại hạ dự báo đối với Trung Quốc, Kazakhstan, Nepal, Nigeria, Sri Lanka, Syria, Thổ Nhĩ Kỳ và Uzbekistan.

Các nước nhập khẩu gạo lớn nhất trong năm 2024 là Philippines với 3,9 triệu tấn, Indonesia 2,9 triệu tấn, EU 2,4 triệu tấn, Trung Quốc 2,3 triệu tấn... **(Biểu đồ 3)**.

2 Tình hình xuất nhập khẩu

a. Xuất khẩu

 **Ấn Độ:** Theo số liệu của Bộ Thương mại Ấn Độ, xuất khẩu gạo của nước này trong tháng 12/2023 tiếp tục giảm mạnh 42,1% so với cùng kỳ xuống còn gần 1,2 triệu tấn.


Tính chung năm 2023, xuất khẩu gạo của Ấn Độ chỉ đạt 17,9 triệu tấn, giảm 19,8% so với năm 2022. Mặc dù vậy, kim ngạch xuất khẩu chỉ giảm nhẹ 2,9%, đạt 10,5 tỷ USD do giá gạo tăng cao.

Các thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Ấn Độ là Benin với 1,5 triệu tấn, giảm 6,8% so với năm 2022; Ả Rập Xê-út 1,23 triệu tấn, tăng 22%; Senegal 936.752 tấn, giảm 30,8%; Togo 863.485 tấn, giảm 2,6%; Guinea 841.143 tấn, tăng 5,2%...

Giới chuyên gia Ấn Độ mới đây nhận định tình trạng thiếu gạo trên toàn cầu sẽ trở nên tồi tệ hơn khi xuất khẩu các loại gạo cao cấp của Ấn Độ gặp phải rào cản mới do chi phí vận chuyển tăng vọt trong bối cảnh xung đột Hamas-Israel và tình trạng thiếu hụt trong nước ảnh hưởng đến xuất khẩu các loại gạo khác.

Xuất khẩu gạo basmati cao cấp của Ấn Độ trong tháng 1/2024 chỉ bằng một nửa so với một năm trước.


Trong khi đó, Ấn Độ cũng đang xem xét giữ thuế xuất khẩu gạo ở mức 20%. Mức thuế này hiện sẽ hết hiệu lực vào ngày 31/03.

 **Thái Lan:** Bộ Thương mại Thái Lan cho biết khối lượng gạo xuất khẩu của nước này trong năm 2024 có thể chỉ đạt 7,5 triệu tấn, giảm 14,4% so với năm ngoái, do sản lượng thấp hơn và cạnh tranh giá tăng.

Do ảnh hưởng của hiện tượng khí hậu El Nino, sản lượng gạo của Thái Lan dự kiến sẽ giảm 5,9% trong năm nay. Bên cạnh đó, quốc gia xuất khẩu gạo lớn thứ hai trên thế giới sau Ấn Độ này cũng đối mặt với sự cạnh tranh và nhiều thách thức, khi nguồn cung toàn cầu dự kiến sẽ cao hơn và nhập khẩu của các đối tác thương mại giảm.

Tuy nhiên, Bộ Thương mại Thái Lan cho biết xuất khẩu gạo của nước này trong tháng 1 đã tăng vọt tới 44% so với cùng kỳ năm ngoái lên 1,12 triệu tấn.

Năm 2023, Thái Lan xuất khẩu 8,76 triệu tấn gạo, tăng 13,6% về khối lượng và 28,4% về giá trị so với năm 2022. Xuất khẩu gạo năm ngoái chiếm 1,8% tổng kim ngạch xuất khẩu của Thái Lan.

 **Pakistan:** Dữ liệu do Cục Thống kê Pakistan (PBS) công bố cho thấy, nước này đã xuất khẩu 2,57 triệu tấn gạo trong 6 tháng đầu năm tài chính 2023-2024 (tháng 7 - 12/2023), tăng mạnh 48,4% so với 1,73 triệu tấn của cùng kỳ năm trước. Trong đó, gạo basmati đạt 318.284 tấn và các giống khác là 2,25 triệu tấn.

Giá trị xuất khẩu gạo thu về hơn 1,6 tỷ USD, tăng tới 76,5% so với mức 927 triệu USD trong cùng kỳ năm 2022. Các nhà xuất khẩu dự đoán rằng tổng kim ngạch xuất khẩu gạo trong năm tài chính hiện tại có thể đạt mức lịch sử 3,5 tỷ USD.

Lệnh cấm xuất khẩu gạo của Ấn Độ, nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới, đã mở ra cơ hội lớn cho Pakistan. Người mua từ châu Phi và Trung Đông, những khách hàng trước đây mua gạo Ấn Độ, đã chuyển hướng sang Pakistan. Xu hướng này dự kiến sẽ tiếp tục cho đến khi chính sách xuất khẩu gạo của Ấn Độ được nới lỏng.

Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Pakistan nhận định với vụ thu hoạch bội thu trong năm nay, xuất khẩu gạo của Pakistan sẽ vượt mức kỷ lục 3 tỷ USD.



Campuchia: Liên đoàn Lúa gạo Campuchia (CRF) cho biết,

Campuchia đã xuất khẩu 46.221 tấn gạo trong tháng 1 với giá trị thu về 32,6 triệu USD, tăng 25,2% về lượng và tăng 13% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái.

Liên minh châu Âu là thị trường mua gạo nhiều nhất từ Campuchia trong tháng 1 với 25.005 tấn, chiếm 54% tổng xuất khẩu, tiếp theo là các nước ASEAN 11.999 tấn và 5.171 tấn được bán sang Hong Kong và Macao, 4.046 tấn còn lại được vận chuyển đến châu Phi, Trung Đông, Bắc Mỹ và Australia.

Các loại gạo nước này xuất khẩu của nước này bao gồm gạo thơm, gạo hữu cơ, gạo trắng, gạo đỏ và gạo japonica. Đồng thời, trong tháng 1, Campuchia cũng xuất khẩu gần 600.000 tấn lúa sang các nước láng giềng với trị giá ước tính hơn 184 triệu USD.

Xung đột đang diễn ra ở Trung Đông đã đẩy giá cước vận chuyển tăng tới 70%, cao nhất từ trước đến nay. Mặc dù vậy, vẫn còn phải theo dõi xem điều này sẽ ảnh hưởng đến xuất khẩu như nào trong thời gian tới hoặc tình trạng này sẽ kéo dài bao lâu.

Giá vận chuyển tăng đã tạo ra một số vấn đề nhất định cho các nhà xuất khẩu gạo. Mặc dù xuất khẩu vẫn diễn ra bình thường nhưng có thể giảm trong ngắn hạn. Tuy nhiên, xuất khẩu gạo xay xát được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trong năm 2024.

Năm ngoái, Campuchia đã xuất khẩu 656.323 tấn gạo, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2022.

b. Nhập khẩu



Philippines: Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) đã nâng dự báo nhập khẩu

gạo của Philippines trong năm 2024 lên 3,9 triệu tấn, cao hơn 100.000 tấn so với dự báo 3,8 triệu tấn trước đó. Với dự báo này, Philippines sẽ tiếp tục là nước nhập khẩu gạo lớn nhất thế giới vào năm 2024, vượt qua Trung Quốc.

Theo số liệu của Cục Công nghiệp Thực vật Philippines (DA), tính đến ngày 25/1 nhập khẩu gạo của Philippines đạt 268.006 tấn, tăng hơn 6% so với cùng kỳ năm ngoái nhưng giảm 47,5% so với tháng 12/2023.


Việt Nam vẫn là nguồn gạo chính của Philippines, chiếm 57% tổng lượng gạo nhập khẩu với 152.875 tấn. Theo sau là Thái Lan và Pakistan với khối lượng đạt lần lượt là 78.597 tấn và 24.463 tấn, trong khi Myanmar là 11.180 tấn.

Chính phủ Philippines đã ký một MoU 5 năm với Việt Nam để nhập khẩu khoảng 1,5 - 2 triệu tấn gạo mỗi năm như một phần trong nỗ lực đối phó với giá cả tăng cao. Văn phòng Tổng thống Philippines cho biết thỏa thuận sẽ “thiết lập nguồn cung cấp lương thực bền vững trong bối cảnh tác động của biến đổi khí hậu, đại dịch và các tác động từ bên ngoài khác ảnh hưởng đến cả hai nước”.

Còn theo dữ liệu mới nhất từ Cơ quan Thống kê Philippines (PSA), tồn kho gạo tính đến ngày 1/1 tại nước này ở mức 2,03 triệu tấn, tăng 6,9% so với tháng trước và cao hơn 10% (tương ứng 177.000 tấn) so với cùng kỳ năm ngoái. Đây cũng là lượng tồn kho gạo cao nhất của Philippines trong một năm qua và là lần đầu tiên tồn kho quay trở lại mức 2 triệu tấn kể từ tháng 12/2022.

Bộ Nông nghiệp Philippines (DA) trước đó đã đảm bảo rằng nước này sẽ có đủ nguồn cung gạo trong nửa đầu năm. Điều này có thể thực hiện được nhờ lượng gạo nhập khẩu cùng với vụ thu hoạch mùa khô dự kiến sẽ đạt đỉnh điểm vào khoảng tháng 3 hoặc tháng 4.

Philippines đã sản xuất khối lượng lúa cao kỷ lục vào năm 2023 ở mức 20 triệu tấn, tăng 1,5% so với sản lượng 19,8 triệu tấn được ghi nhận vào năm 2022.

 **Trung Quốc:** Theo số liệu do Tổng cục Hải quan Trung Quốc công bố, nhập khẩu gạo của Trung Quốc trong năm 2023 đạt 2,63 triệu tấn, giảm 57,5% so với năm 2022.

Trong đó, Việt Nam là thị trường cung cấp gạo lớn nhất vào Trung Quốc với khối lượng đạt 934.701 tấn, tăng 8,9% so với năm 2022 và chiếm 36% tổng nhập khẩu gạo của nước này. Ngược lại, nhập khẩu gạo của Trung Quốc từ các thị trường khác như Ấn Độ, Pakistan, Thái Lan... đều sụt giảm so với năm trước, với mức giảm lần lượt là 89%, 84,9% và 40%...

Lượng gạo xuất khẩu của Trung Quốc ra thị trường thế giới trong năm 2023 cũng giảm 26,9% so với năm 2022, chỉ đạt 1,6 triệu tấn.


Trong báo cáo mới đây, USDA dự báo sản lượng gạo xay xát niên vụ 2023-2024 (tháng 7/2023 đến tháng 4/2024) của Trung Quốc đạt 144,6 triệu tấn, giảm so với ước tính gần 146 triệu tấn của niên vụ trước do diện tích trồng giảm mặc dù năng suất cao hơn. Giá gạo nội địa được báo cáo tăng nhẹ do sản xuất trong nước không như kỳ vọng và giá quốc tế cao.

Tiêu thụ gạo niên vụ 2023-2024 của Trung Quốc dự báo ở mức 149,9 triệu tấn, giảm so với mức ước tính 155 triệu tấn của năm trước do gạo chất lượng làm thức ăn chăn nuôi tồn

kho từ vụ cũ được bán tại các cuộc đấu giá ít hơn và nhập khẩu giảm.

USDA dự báo xuất khẩu gạo niên vụ 2023-2024 của Trung Quốc đạt 2,2 triệu tấn, tăng so với ước tính hơn 1,6 triệu tấn của năm trước do giá gạo của nước này đang cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Nhập khẩu gạo niên vụ 2023-2024 của Trung Quốc dự báo ở mức 2,3 triệu tấn, giảm so với mức ước tính 2,6 triệu tấn của năm trước do lệnh cấm xuất khẩu của Ấn Độ và giá gạo quốc tế cao. USDA cũng đưa ra dự báo tồn kho gạo cuối niên vụ 2023-2024 của Trung Quốc ở mức 101,3 triệu tấn, giảm so với mức ước tính 106,6 triệu tấn của năm trước.

 **Indonesia:** Đầu năm nay, Cơ quan Hậu cần quốc gia Indonesia (Bulog) cho biết nước này muốn nhập 500.000 tấn gạo trong tháng 1 để tăng dự trữ lương thực. Kết quả công bố ngày 31/1 của Bulog cho thấy 7 doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu hơn một nửa số này, đạt 300.000 tấn gạo. Giá gạo trúng thầu mức thấp nhất của Việt Nam khoảng 648 USD một tấn, gồm phí vận chuyển.

Chính phủ nước này quyết định nhập khẩu 1,6 triệu tấn gạo để đáp ứng nhu cầu trong nước do vụ thu hoạch bị trì hoãn hai tháng.

Sẽ có một vụ thu hoạch lớn vào tháng 3 và tháng 4 nhưng bị hoãn sang tháng 4, 5 và tháng 6, dẫn đến sản lượng thấp nên chính phủ đã quyết định nhập khẩu gạo.

Ngoài nhập khẩu gạo chính phủ sẽ tăng cường phân phối gạo theo chương trình bình ổn cung và giá lương thực từ 150.000 tấn đến 250.000 tấn để đáp ứng nhu cầu của người dân. Để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phân phối mặt hàng gạo sẽ được đóng gói lại với trọng lượng điều chỉnh.

Năm ngoái, Indonesia đã chứng kiến sản lượng giảm 2,05% tại các khu vực sản xuất chính của nước này, xuống còn 30,9 triệu tấn từ mức 31,54 triệu tấn đạt được vào năm 2022, trong bối cảnh hạn hán nghiêm trọng do El Nino gây ra.



Hàn Quốc: Theo thông báo được cơ quan chức năng của Hàn Quốc đưa ra về đấu thầu mua gạo trong năm 2024, thì trong nửa đầu năm 2024, quốc gia này sẽ mở thầu mua gạo 4 lần, vào các tháng 2, 3, 4 và 5.

Trong khi đó, nửa cuối năm 2024, Hàn Quốc dự kiến sẽ mở thầu nhập khẩu tổng cộng 3 đến 5 lần, tùy thuộc vào tình hình nguồn cung trong nước. Thế nhưng, quốc gia này chưa ấn định thời gian chính xác của các cuộc mở thầu sẽ diễn ra trong nửa cuối năm 2024.

Như vậy, trong cả năm 2024, Hàn Quốc có thể mở thầu nhập khẩu tổng cộng lên đến 9 lần để mua gạo từ một số quốc gia trên thế giới. Trong đó, năm 2024, Hàn Quốc dành cho Việt Nam tổng lượng hạn ngạch là 55.112 tấn.

Ngoài Việt Nam, Hàn Quốc dành cho Trung Quốc tổng lượng hạn ngạch năm 2024 là 157.195 tấn; Mỹ là 132.304 tấn; Thái Lan và Australia lần lượt là 28.494 và 15.595 tấn.

3 Diễn biến giá

Chỉ số giá gạo toàn cầu của Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (FAO) đạt 142,8 điểm trong tháng đầu tiên của năm 2024, tăng 1,2% so với tháng trước và tăng 13% so với cùng kỳ năm ngoái. Đây cũng là mức cao nhất đạt được kể từ tháng 8 năm 2008.

Các nhà cung cấp chủ yếu thực hiện các cam kết bán hàng đã được ký trước đó, trong khi cuộc đấu thầu nhập khẩu của Indonesia đã thúc đẩy đà tăng giá của thị trường. Tại Ấn Độ, việc Chính phủ tăng cường thu mua trong nước đã hỗ trợ tích cực cho giá gạo đờ, thêm vào đó là sự cải thiện về nhu cầu từ phía các nhà nhập khẩu.

Nhìn chung báo giá gạo của hầu hết nhà cung cấp chính đều tăng so với tháng trước, ngoại trừ Việt Nam sụt giảm do đồng nội tệ mất giá so với USD và các giao dịch mới trầm lắng trước thời điểm thu hoạch vụ Đông Xuân (**Bảng 1**).

Tính đến giữa tháng 2/2024, giá gạo đờ xuất khẩu của Ấn Độ đã tăng lên mức cao kỷ lục ngay cả khi nhu cầu từ các khách hàng châu Phi chậm lại. Trong khi đó, giá đang có sự điều chỉnh giảm tại Việt Nam và Thái Lan.



Bảng 1: Diễn biến giá gạo thế giới từ tháng 8/2023 đến tháng 1/2024

Nguồn: FAO.

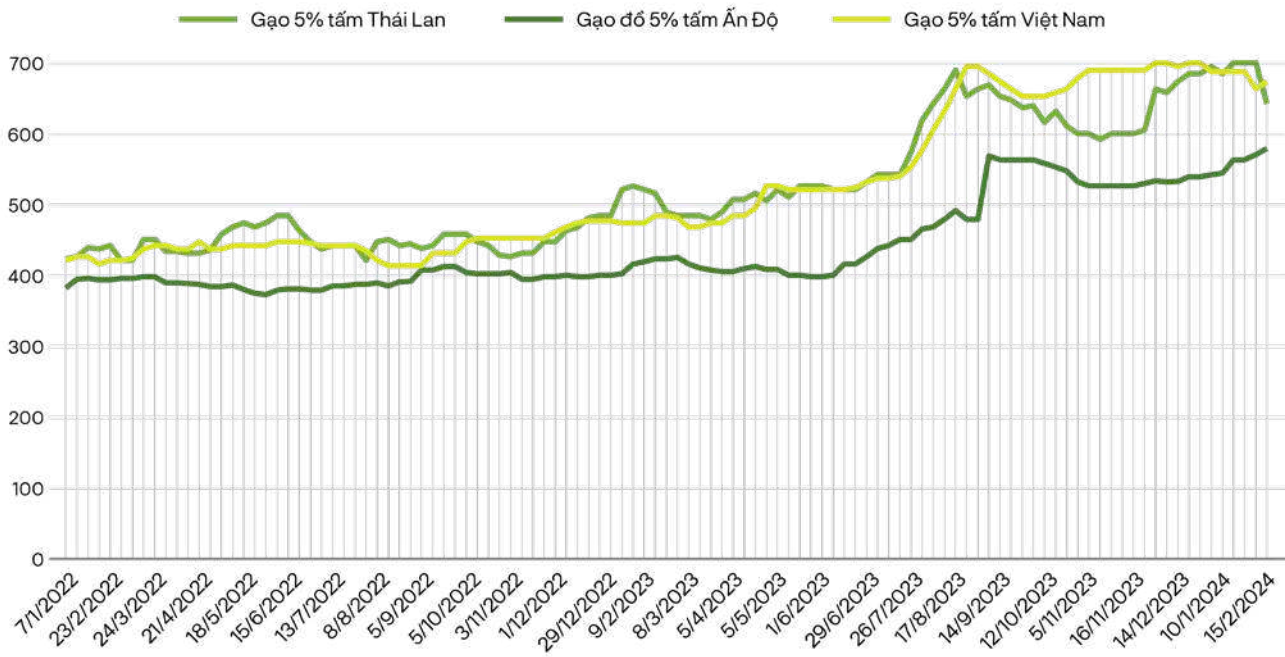
| Nước sản xuất | Loại gạo | Diễn biến giá qua các tháng (USD/tấn) | | | | | | Thay đổi của tháng 1/2024 so với (%) | |
|---------------|------------------|---------------------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|--------------------------------------|--------|
| | | 8/2023 | 9/2023 | 10/2023 | 11/2023 | 12/2023 | 1/2024 | 12/2023 | 1/2023 |
| Ấn Độ | Trắng 100% tấm | | | | | | | | |
| | Basmati | 1.550,0 | 1.550,0 | 1.550,0 | 1.550,0 | 1.438,0 | 1.400,0 | ▼ 2,6 | ▼ 7,7 |
| | Trắng 25% tấm | | | | | | | | |
| | Trắng 5% tấm | | | | | | | | |
| | Gạo đỏ 5% tấm | 461,0 | 518,8 | 497,0 | 483,0 | 501,0 | 529,0 | ▲ 5,6 | ▲ 36,6 |
| Pakistan | Basmati | 1.109,0 | 1.101,8 | 1.103,0 | 984,0 | 956,0 | 1.017,0 | ▲ 6,4 | ▼ 33,9 |
| | Trắng 25% tấm | 536,0 | 537,8 | 525,0 | 512,0 | 527,0 | 554,0 | ▲ 5,1 | ▲ 26,7 |
| | Trắng 5% tấm | 579,8 | 579,4 | 555,0 | 564,0 | 580,0 | 622,0 | ▲ 7,2 | ▲ 33,6 |
| Thái Lan | Trắng 100% tấm | 645,0 | 639,6 | 604,0 | 602,0 | 658,0 | 675,0 | ▲ 2,7 | ▲ 26,9 |
| | Trắng 25% tấm | 597,0 | 591,2 | 563,0 | 564,0 | 609,0 | 621,0 | ▲ 1,9 | ▲ 22,5 |
| | A1 Super | 486,0 | 475,2 | 469,0 | 482,0 | 495,0 | 489,0 | ▼ 1,1 | ▲ 3,4 |
| | Hom Mali | 946,5 | 908,2 | 867,0 | 861,0 | 882,0 | 893,0 | ▲ 1,2 | ▼ 1,7 |
| | Nếp 10% tấm | 933,5 | 975,2 | 900,0 | 795,0 | 794,0 | 813,0 | ▲ 2,4 | ▲ 4,0 |
| | Đỏ 100% | 633,0 | 624,8 | 597,0 | 588,0 | 643,0 | 650,0 | ▲ 1,2 | ▲ 24,3 |
| Việt Nam | Nếp 10% tấm | 568,8 | 594,0 | 587,0 | 589,0 | 591,0 | 591,0 | ▲ 0,1 | ▲ 8,1 |
| | Trắng 25% tấm | 587,5 | 587,0 | 589,0 | 608,0 | 609,0 | 599,0 | ▼ 1,7 | ▲ 39,6 |
| | Trắng 5% tấm | 614,3 | 605,4 | 602,0 | 638,0 | 640,0 | 635,0 | ▼ 0,8 | ▲ 41,2 |
| | Thơm 5% tấm | 669,3 | 647,0 | 659,0 | 692,0 | 704,0 | 700,0 | ▼ 0,6 | ▲ 39,6 |
| Campuchia | Thơm 5% tấm | 816,5 | 823,4 | 776,0 | 767,0 | 840,0 | 871,0 | ▲ 3,7 | ▲ 17,9 |
| Mỹ | Gạo trắng 4% tấm | 1.493,8 | 1.354,0 | 1.124,0 | 1.044,0 | 1.025,0 | 1.025,0 | ▲ 0,0 | ▲ 37,6 |
| | Calrose 4% tấm | 708,0 | 721,6 | 725,0 | 732,0 | 728,0 | 732,0 | ▲ 0,5 | ▲ 1,8 |
| Argentina | Trắng 5% tấm | 675,0 | 726,0 | 760,0 | 765,0 | 769,0 | 809,0 | ▲ 5,2 | ▲ 38,9 |
| Brazil | Trắng 5% tấm | 716,0 | 745,6 | 766,0 | 826,0 | 894,0 | 920,0 | ▲ 2,9 | ▲ 47,3 |
| Uruguay | Trắng 5% tấm | 697,3 | 730,6 | 744,0 | 774,0 | 846,0 | 883,0 | ▲ 4,4 | ▲ 49,6 |

Cụ thể, giá gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ được chào bán ở mức kỷ lục 542-550 USD/tấn, tăng 15 USD/tấn so với một tháng trước do nguồn cung hạn chế. Một nhà xuất khẩu tại Mumbai cho biết các khách hàng châu Phi đã gặp khó khăn với mức giá gạo cao hơn, hiện họ đang phải tạm ngừng mua vào.

Trong khi đó, xuất khẩu gạo của Pakistan có thể tăng lên mức cao kỷ lục trong giai đoạn 12 tháng kết thúc vào tháng 6/2024 do quyết định hạn chế xuất khẩu của Ấn Độ buộc người mua phải mua thêm từ Pakistan, quốc gia đang chào bán gạo ở mức giá cao nhất trong gần 16 năm (**Biểu đồ 4**).

Biểu đồ 4: Diễn biến giá gạo thế giới từ năm 2022 đến ngày 15/2/2024

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Tổng hợp từ Reuters.



Tại Việt Nam, giá gạo 5% tấm được chào bán ở mức 637-640 USD/tấn, giảm 13 USD/tấn so với trước kỳ nghỉ lễ. Tuy nhiên, hoạt động giao dịch đang diễn ra sôi động hơn sau kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán.

Một nhà giao dịch tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long cho biết nguồn cung đã tốt hơn sau Tết và hoạt động mua bán đều khởi sắc.

Giá gạo 5% tấm của Thái Lan được chào bán ở mức 610 USD/tấn, giảm tới 55 USD/tấn so với tháng trước do đồng Baht suy yếu.

Một thương nhân có trụ sở tại Bangkok cho biết có sức ép giá giảm, đồng thời cho biết thêm Thái Lan không tham gia phiên đấu giá gạo của Indonesia và nguồn cung mới sẽ được bổ sung trong tháng tới.

Một thương nhân khác cho biết nhu cầu rất yếu và giá trong nước cũng giảm. Các thương nhân dự báo giá gạo Thái Lan sẽ tiếp tục theo xu hướng giảm.



Ảnh: Vietnam Foodexpo.

Phần II: THỊ TRƯỜNG GẠO VIỆT NAM



Xuất khẩu gạo tháng đầu năm tăng trưởng khả quan, tuy nhiên giá trong nước đang có sự điều chỉnh giảm do áp lực nguồn cung từ vụ thu hoạch Đông Xuân.

1 Sản xuất

Theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tính đến ngày 1/2, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL đã xuống giống được 695 nghìn ha vụ Thu Đông 2023 trong tổng số 700 nghìn ha diện tích kế hoạch, đã thu hoạch dứt điểm 694 nghìn ha với năng suất gần 5,6 tấn/ha đạt sản lượng hơn 3,9 triệu tấn lúa.

Vụ Đông Xuân 2023-2024 đã xuống giống được 1,474 triệu ha/1,475 triệu ha diện tích kế hoạch, thu hoạch được trên 140 nghìn ha với năng suất khoảng 6,25 tấn/ha, đạt sản lượng 875 nghìn tấn lúa.

2 Xuất khẩu

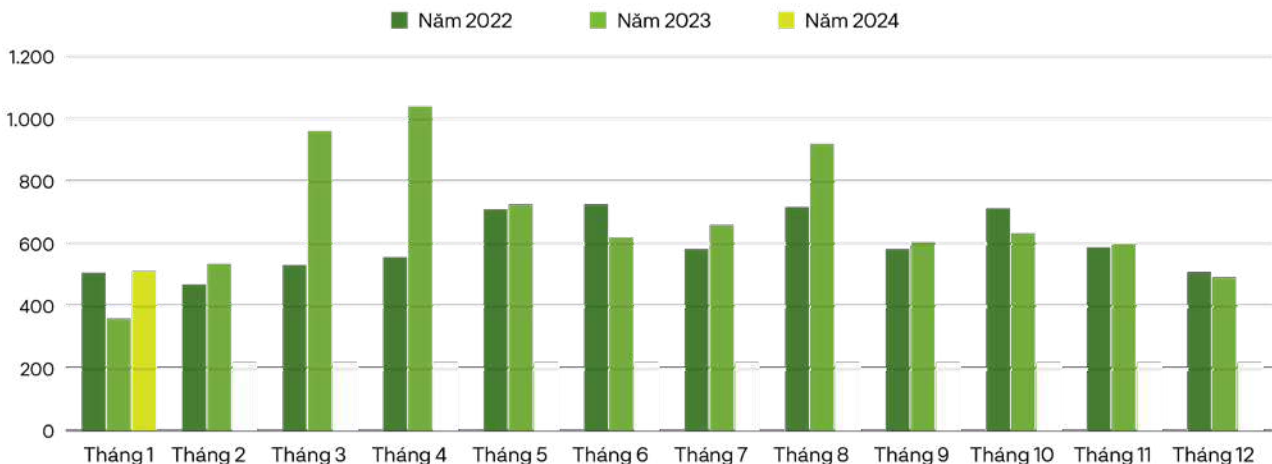
Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng đầu năm đạt 512.265 tấn, trị giá 362,3 triệu USD, tăng 4% về lượng và tăng 7% về trị giá so với tháng 12/2023, đồng thời tăng 42,8% về lượng và tăng tới 94,5% về trị giá so với tháng 1/2023 (tháng có nhiều ngày nghỉ Tết Nguyên đán Quý Mão) (**Biểu đồ 5**).

Philippines tiếp tục là thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam trong tháng đầu năm với khối lượng đạt 280.944 tấn, trị giá 194,3 triệu USD, tăng 7,8% về lượng và tăng 8,1% về trị giá so với tháng trước, đồng thời tăng gấp 2,1 lần về lượng và 3 lần về trị giá so với cùng kỳ. Thị trường này chiếm đến 54,8% tổng khối lượng xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng đầu năm 2024.

Đứng thứ hai là thị trường Indonesia với khối lượng đạt 27.256 tấn, trị giá 18 triệu USD, giảm 35,8% về lượng và 29,3% về trị giá so với

Biểu đồ 5: Xuất khẩu gạo của Việt Nam qua các tháng năm 2022-2024

Đơn vị: Nghìn tấn. Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



tháng trước. Mặc dù vậy, xuất khẩu gạo sang thị trường này dự kiến sẽ tăng trở lại trong thời gian tới khi mới đây đã có 7 doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu 300.000 tấn trong tổng số 500.000 tấn gạo trong đợt phát thầu nhập khẩu đầu năm 2024 của Indonesia, thời điểm giao hàng trong tháng 2-3/2024. Giá gạo trúng thầu mức thấp nhất của Việt Nam khoảng 648 USD một tấn, gồm chi phí vận chuyển (**Biểu đồ 6**).

Đáng chú ý, xuất khẩu gạo sang các thị trường lớn tiếp theo là Malaysia và Pháp tăng đột biến trong tháng đầu năm 2024. Với Malaysia, lượng gạo xuất khẩu sang thị trường này đã tăng tới 3,8 lần (283,5%) so với tháng trước lên 22.294 tấn. Trong khi đó, xuất khẩu gạo sang thị trường Pháp đạt 17.919 tấn, tăng 164 lần (16.339%) so với tháng trước; đặc biệt, giá gạo xuất khẩu bình quân sang thị trường này lên đến 1.040 USD/tấn - cao nhất trong số các thị trường mua gạo Việt Nam.

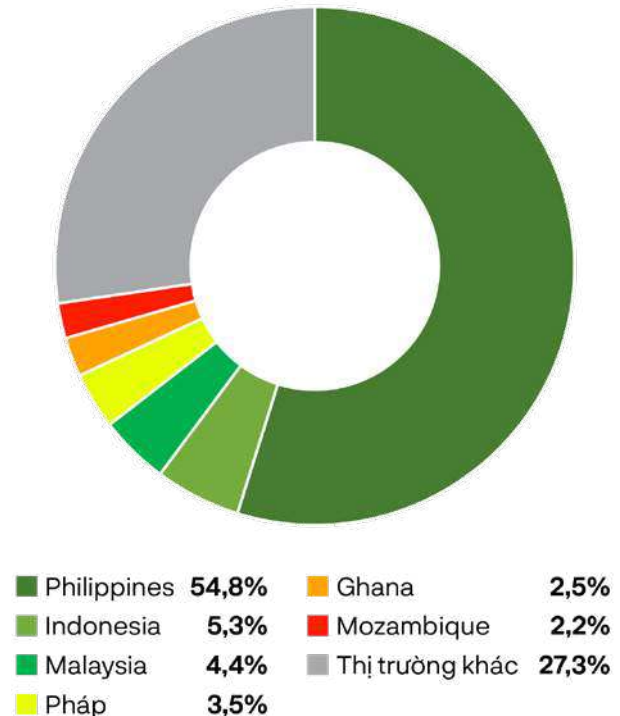
Ngoài các thị trường kể trên, xuất khẩu gạo các các quốc gia tại khu vực châu Phi như: Mozambique, Bờ Biển Ngà, Nam Phi hay một số nước châu Âu như Hà Lan, Ba Lan, Nga... cũng tăng khá mạnh.

Ngược lại, xuất khẩu gạo sang Trung Quốc, UAE, Hong Kong, Australia... lại giảm ở mức hai con số so với tháng trước (**Bảng 2**).

Gạo trắng vẫn là chủng loại được xuất khẩu nhiều nhất trong tháng 1 với tỷ trọng chiếm đến 73%, tiếp đến là gạo thơm chiếm 17%, gạo nếp 7%; gạo Nhật 2,7% và 0,3% còn lại là gạo lứt, gạo vi chất (**Biểu đồ 7**).

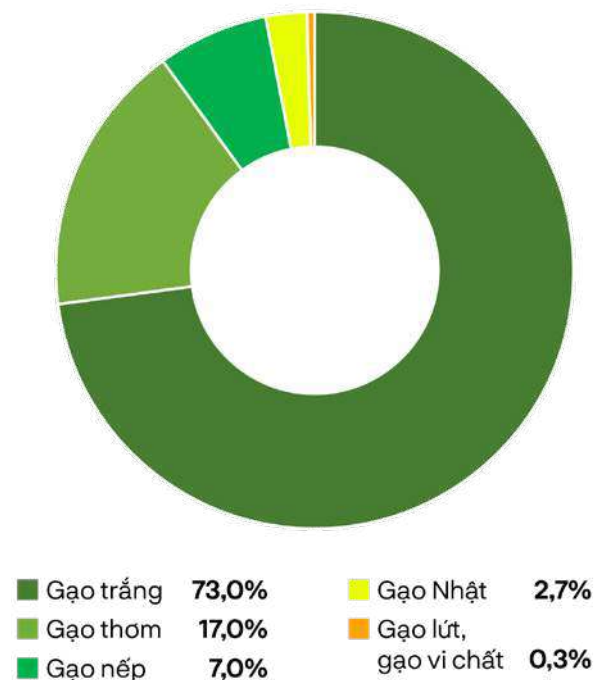
Biểu đồ 6: Cơ cấu thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng 1/2024, % theo khối lượng

Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



Biểu đồ 7: Cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu trong tháng 1/2024

Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



Bảng 2: Thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng 1/2024

Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.

| Thị trường xuất khẩu | Tháng 1/2024 | | So sánh với tháng 12/2023 | | So sánh với tháng 1/2023 | | Thị phần (%) | |
|----------------------|--------------|---------------|---------------------------|-------------|--------------------------|-------------|--------------|-----------|
| | Lượng (tấn) | Trị giá (USD) | Lượng (%) | Trị giá (%) | Lượng (%) | Trị giá (%) | Th 1/2023 | Th 1/2024 |
| Tổng | 512.265 | 362.261 | ▲ 4,0 | ▲ 7,0 | ▲ 42,8 | ▲ 94,5 | 100,0 | 100,0 |
| Philippines | 280.944 | 194.283 | ▲ 7,8 | ▲ 8,1 | ▲ 118,4 | ▲ 202,6 | 35,9 | 54,8 |
| Indonesia | 27.256 | 18.079 | ▼ 35,8 | ▼ 29,3 | ▼ 68,3 | ▼ 55,8 | 24,0 | 5,3 |
| Malaysia | 22.295 | 14.508 | ▲ 283,5 | ▲ 287,6 | ▲ 105,7 | ▲ 156,1 | 3,0 | 4,4 |
| Pháp | 17.919 | 18.639 | ▲ 16.339 | ▲ 18.356 | | | 0 | 3,5 |
| Ghana | 12.561 | 9.882 | ▲ 0,9 | ▼ 0,7 | ▲ 636,7 | ▲ 978,7 | 0,5 | 2,5 |
| Mozambique | 11.298 | 8.202 | ▲ 27,1 | ▲ 30,9 | ▲ 250,4 | ▲ 371,4 | 0,9 | 2,2 |
| Singapore | 10.468 | 7.166 | ▲ 11,9 | ▲ 12,3 | ▲ 52,1 | ▲ 89 | 1,9 | 2,0 |
| Bờ Biển Ngà | 8.553 | 6.027 | ▲ 24,7 | ▲ 30,8 | ▼ 72,3 | ▼ 56,6 | 8,6 | 1,7 |
| Trung Quốc | 6.808 | 3.862 | ▼ 68,5 | ▼ 70,3 | ▼ 85,7 | ▼ 86,4 | 13,2 | 1,3 |
| UAE | 3.962 | 2.944 | ▼ 22,5 | ▼ 22,4 | ▲ 56,0 | ▲ 86,6 | 0,7 | 0,8 |
| Hong Kong | 3.713 | 2.605 | ▼ 15,3 | ▼ 12,6 | ▼ 6,7 | ▲ 8,7 | 1,1 | 0,7 |
| Australia | 3.472 | 2.603 | ▼ 21,6 | ▼ 20,8 | ▲ 77,4 | ▲ 84,9 | 0,5 | 0,7 |
| Mỹ | 2.560 | 2.293 | ▼ 12,1 | ▼ 12,3 | ▲ 52,5 | ▲ 82,9 | 0,5 | 0,5 |
| Hà Lan | 1.726 | 1.453 | ▲ 84,6 | ▲ 95,1 | ▲ 104,3 | ▲ 148,8 | 0,2 | 0,3 |
| Saudi Arabia | 1.393 | 1.082 | ▼ 60,5 | ▼ 59,6 | ▲ 4,7 | ▲ 35,0 | 0,4 | 0,3 |
| Nam Phi | 889 | 653 | ▲ 139,0 | ▲ 122,2 | ▲ 86,0 | ▲ 122,8 | 0,1 | 0,2 |
| Nga | 861 | 680 | ▲ 355,6 | ▲ 342,5 | ▲ 761,0 | ▲ 640,1 | 0 | 0,2 |
| Ba Lan | 716 | 525 | ▲ 65,0 | ▲ 60,7 | ▲ 293,4 | ▲ 291,4 | 0,1 | 0,1 |
| Thị trường khác | 94.871 | 66.775 | ▼ 6,8 | ▼ 7,9 | ▲ 216,2 | ▲ 267,0 | 8,4 | 18,5 |

3 Diễn biến giá

Giá gạo xuất khẩu của Việt Nam đã kéo dài đà tăng sang tháng thứ 9 liên tiếp vào tháng 1 với bình quân 707 USD/tấn, tăng 2,8% so với tháng trước và tăng đến 36,2% so với tháng đầu năm 2023. Đây cũng là mức giá xuất khẩu cao kỷ lục của ngành gạo (**Biểu đồ 8**).

Còn tại thị trường trong nước, tính đến đầu tháng 2, giá lúa gạo tại các tỉnh ĐBSCL đã giảm từ 3 - 8% (534 – 1.288 đồng/kg) so với cuối năm ngoái. Thị trường hiện đang tiếp tục điều chỉnh giảm sau Tết Nguyên đán Giáp Thìn.

Nhiều doanh nghiệp cho biết, hiện các nhà xuất khẩu gạo lớn như Việt Nam, Thái Lan,

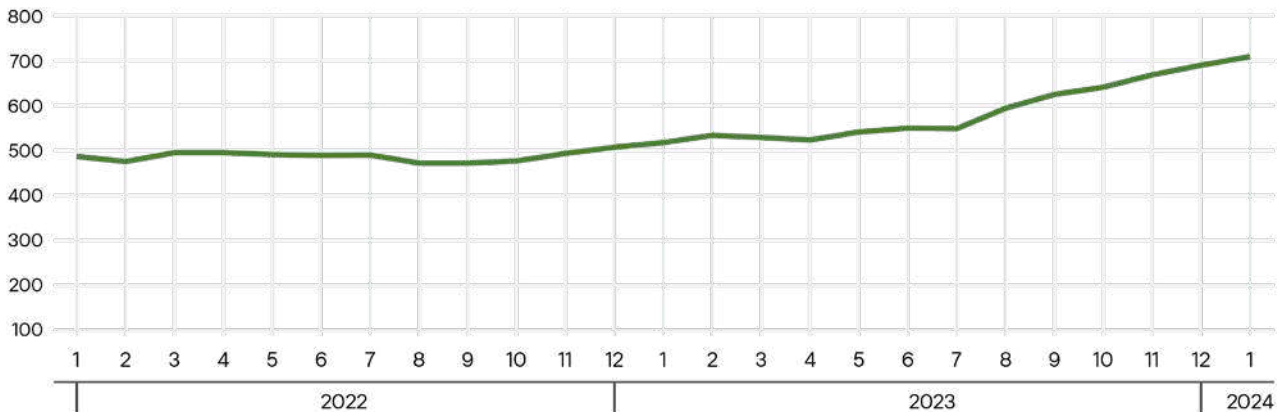
Pakistan... đang vào vụ mùa chính của năm 2024 nên sản lượng dồi dào, dẫn tới việc các nhà nhập khẩu tìm cách trì hoãn đặt hàng, với mong muốn giá có thể giảm sâu hơn nữa.

Hiện Việt Nam đang bước vào vụ thu hoạch Đông Xuân – vụ mùa lớn nhất trong năm, tuy nhiên vụ mùa năm nay nông dân tập trung xuống giống nhanh và đồng loạt, dẫn đến áp lực thu hoạch hiện nay cũng rất lớn. Trong khi đó, lượng hợp đồng mới chưa nhiều, nên hầu hết các nhà kho, nhà cung ứng và doanh nghiệp xuất khẩu hiện nay đều trong trạng thái chờ tín hiệu thị trường vì giá có thể giảm thêm.

Mặc dù vậy, mức giá hiện tại vẫn cao hơn nhiều so với cùng kỳ năm trước, với mức tăng khoảng 30 – 45% (**Bảng 3**).

Biểu đồ 8: Diễn biến giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam qua các tháng từ năm 2022-2024

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



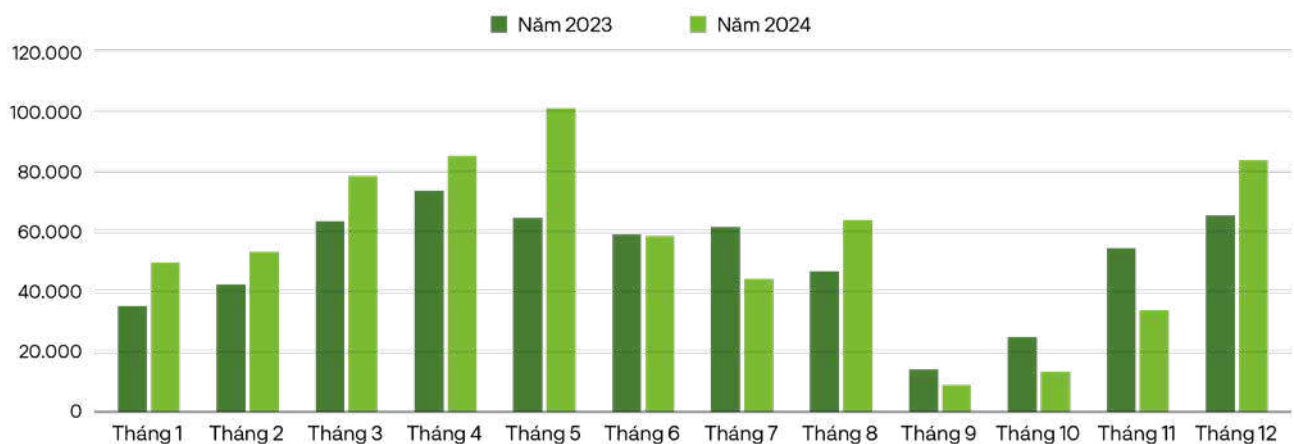
Bảng 3: Diễn biến giá lúa gạo tại ĐBSCL tính đến đầu tháng 2/2024

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam.

| Chủng loại | Tại ngày 1/2/2023 đồng/kg | So sánh tăng/giảm | | | |
|----------------------|------------------------------|----------------------|---------|--------------------|---------|
| | | So với 1 tháng trước | | So với 1 năm trước | |
| | | % | đồng/kg | % | đồng/kg |
| Lúa thường tại ruộng | 8.714 | ▼ 5,9 | ▼ 543 | ▲ 37,4 | ▲ 2.371 |
| Lúa thường tại kho | 9.750 | ▼ 7,7 | ▼ 809 | ▲ 29,1 | ▲ 2.200 |
| Lứt loại 1 | 12.733 | ▼ 8,2 | ▼ 1.130 | ▲ 24,3 | ▲ 2.487 |
| Xát trắng loại 1 | 14.825 | ▼ 8,0 | ▼ 1.288 | ▲ 56,2 | ▲ 5.332 |
| 5% tấm | 14.957 | ▼ 3,4 | ▼ 522 | ▲ 44,0 | ▲ 4.571 |
| 15% tấm | 14.725 | ▼ 3,6 | ▼ 550 | ▲ 44,7 | ▲ 4.550 |
| 25% tấm | 14.458 | ▼ 3,6 | ▼ 534 | ▲ 44,7 | ▲ 4.466 |
| Tấm 1/2 | 11.664 | ▼ 2,2 | ▼ 257 | ▲ 27,9 | ▲ 2.543 |
| Cám xát/lau | 6.336 | ▼ 4,9 | ▼ 328 | ▼ 24,3 | ▼ 2.032 |

Biểu đồ 9: Nhập khẩu gạo của Việt Nam từ Ấn Độ năm 2022-2023

Đơn vị: tấn. Nguồn: Số liệu từ Bộ Thương mại Ấn Độ.



4 Tình hình nhập khẩu

Là nước xuất khẩu gạo lớn thứ ba thế giới nhưng Việt Nam vẫn đang nhập khẩu một khối lượng lớn gạo giá rẻ từ Ấn Độ để phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước.

Theo số liệu của Bộ Thương mại Ấn Độ, Việt Nam đã nhập khẩu 673.487 tấn gạo từ nước này trong năm 2023, tương ứng trị giá 238,2 triệu USD, tăng 11,3% về lượng và tăng 26,8%

về trị giá so với năm 2022. Trong đó, gạo đỏ (HS 10063010) chiếm 45% tổng lượng nhập khẩu; tiếp đến 37% là các loại gạo khác trừ gạo đỏ và gạo Basmati (HS 10063090), còn lại tỷ trọng nhỏ là các loại gạo khác.

Tính riêng trong tháng 12, Việt Nam đã nhập khẩu 83.683 tấn gạo từ Ấn Độ, tăng 2,5 lần so với tháng trước và tăng 28% so với cùng kỳ năm 2022 (**Biểu đồ 9**).



Ảnh: Lê Hoàng Vũ.

Phần III: DỰ BÁO



Ảnh: VNEconomy.

Với nguồn cung được bổ sung từ vụ thu hoạch Đông Xuân và các đơn hàng gần đây từ các thị trường lớn như Indonesia và Philippines, xuất khẩu gạo được cho sẽ tiếp tục tăng trưởng khả quan trong thời gian tới.

Mặc dù vậy, giá gạo có khả năng sẽ tiếp tục được điều chỉnh giảm trong ngắn hạn do nguồn cung dồi dào khi một số quốc gia sản xuất hàng đầu như Việt Nam, Thái Lan, Pakistan... bước vào vụ thu hoạch chính.

Nhưng nhìn chung giá gạo khó giảm sâu bởi nguồn cung gạo toàn cầu vẫn trong trạng thái thiếu hụt. USDA dự báo tiêu thụ gạo toàn cầu

trong niên vụ 2023-2024 ở mức kỷ lục 522,9 triệu tấn, tăng 3 triệu tấn so với niên vụ 2022-2023 và vượt sản lượng tới 9,2 triệu tấn. Điều này khiến cho tồn kho gạo toàn cầu giảm xuống mức thấp nhất trong 6 năm.

Ấn Độ, nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới vẫn chưa có động thái nới lỏng các biện pháp hạn chế xuất khẩu. Nước này đang xem xét sẽ gia hạn thuế xuất khẩu gạo ở mức 20% sau khi hết hiệu lực vào ngày 31/03.

Còn tại Thái Lan, sản lượng gạo của Thái Lan dự kiến sẽ giảm 5,9% trong năm nay do ảnh hưởng của hiện tượng El Nino.

Phần IV: HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH

Năm 2023, giá gạo tăng cao giúp cho doanh thu của nhiều doanh nghiệp đạt kỷ lục từ trước đến nay, song dưới sức ép của giá vốn, chi phí và nhiều yếu tố khác quan, lợi nhuận của doanh nghiệp ngành gạo ghi nhận lãi mỏng, sụt giảm mạnh hoặc thậm chí là lỗ.

CTCP Tập đoàn Lộc Trời (Mã: LTG):



CTCP Tập đoàn Lộc Trời công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý IV/2023 với doanh thu thuần đạt 5.280 tỷ đồng, tăng tới 90%

so với cùng kỳ năm 2022. Giá vốn tăng với mức thấp hơn mức tăng của doanh thu thuần nên biên lãi gộp được cải thiện lên 26,2%. Trừ đi các chi phí, lợi nhuận sau thuế của Lộc Trời tăng 18% lên 247 tỷ đồng.

Lũy kế cả năm 2023, Tập đoàn Lộc Trời ghi nhận tổng doanh thu hơn 16.068 tỷ đồng, tăng 37,4% so với năm 2022 và cao nhất kể từ khi công bố báo cáo tài chính năm.

Xét về cơ cấu doanh thu, mảng lương thực - lúa gạo đã đem về 11.233 tỷ đồng, tăng 75% và đóng góp 70% vào doanh thu của doanh nghiệp trong bối cảnh giá gạo xuất khẩu của Việt Nam tăng mạnh, và nhiều thời điểm lên mức cao nhất lịch sử xuất khẩu gạo.

Dù mảng gạo đóng góp doanh thu lớn nhất nhưng giá vốn cũng tăng cao, khiến biên lãi gộp của mảng này chỉ đạt 2,2% trong năm

2023, thấp hơn nhiều so với con số 56% của mảng thuốc bảo vệ thực vật hay 25% của mảng hạt giống.

Ngoài giá vốn, các chi phí đều tăng mạnh trong năm vừa qua, chủ yếu là chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Trong năm, doanh nghiệp đã có hai quý lỗ, lần lượt lỗ 81 tỷ đồng trong quý I và lỗ kỷ lục hơn 327 tỷ đồng trong quý III.

Do đó, lợi nhuận ròng của Lộc Trời trong cả năm 2023 chỉ đạt 265 tỷ đồng, giảm 36% so với năm 2022 và thấp nhất 9 năm. Với kết quả này, công ty vượt 37% kế hoạch doanh thu nhưng mới thực hiện được 64% mục tiêu lợi nhuận năm 2023.

CTCP Nông nghiệp công nghệ cao Trung An (Mã: TAR):



TRUNG AN®

Quý IV/2023, Công ty cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An ghi nhận doanh thu 1.006 tỷ đồng, giảm 36,2%; lợi nhuận sau

thuế âm 31,9 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm 2022 lãi gần 18 tỷ đồng; biên lợi nhuận gộp giảm từ 4,3% xuống 3%.

Lũy kế cả năm 2023, Trung An đạt 4.485 tỷ đồng doanh thu, tăng 18,1%, nhưng lợi nhuận sau thuế âm 19 tỷ đồng, trong khi năm 2022 lãi 75,2 tỷ đồng. Đây cũng là lần đầu tiên doanh nghiệp này báo lỗ kể từ khi niêm yết trên sàn chứng khoán.

Theo lý giải từ Trung An, doanh nghiệp này ghi nhận lỗ kỷ lục là do trong năm 2023 vừa qua ngoài việc lỗ tỷ giá thì các chi phí gồm chi phí bán hàng, chi phí tài chính đều tăng vọt.

CTCP Xuất nhập khẩu An Giang (Angimex Mã: AGM):



Theo báo cáo kết quả kinh doanh của AGM, trong quý IV doanh thu thuần của công ty đạt 243 tỷ đồng, giảm 28% so với cùng kỳ.

Khấu trừ các chi phí, Angimex lỗ ròng 156 tỷ đồng, thấp hơn mức lỗ 199 tỷ đồng cùng kỳ năm trước.

Lũy kế cả năm 2023, doanh thu thuần của công ty đạt 788 tỷ đồng, giảm đến 77% so với năm 2022. Trong đó, doanh thu bán hàng lương thực giảm gần 87% xuống còn 333 tỷ đồng. Mặc dù đã tích cực cắt giảm chi phí nhưng sau thuế, AGM vẫn lỗ 208 tỷ đồng, trong khi năm trước lỗ 234 tỷ đồng.

Kết quả này còn cách khá xa so với kế hoạch doanh thu 1.123 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 12 tỷ đồng mà công ty đặt ra.

Trong năm 2024, Angimex đặt mục tiêu tham vọng với doanh thu đạt 2.854 tỷ đồng, gấp 3,6 lần thực hiện năm 2023 và dự kiến lãi trước thuế 27 tỷ đồng.

Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (Vinafood II; Mã: VSF):



Trái ngược với các doanh nghiệp kể trên, Vinafood II đã có 1 năm kinh doanh thành công khi doanh thu và lợi nhuận vượt xa so với kế hoạch đề ra trong năm 2023.

Trong quý IV/2023, Vinafood II ghi nhận 4.366 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 33% so với

cùng kỳ. Kỳ này dù doanh thu tài chính của công ty giảm xuống 53 tỷ đồng, nhưng chi phí tài chính giảm đến 65%, đạt mức 45 tỷ đồng. Tương tự, chi phí bán hàng giảm mạnh từ 398 tỷ còn 184 tỷ đồng, chỉ có chi phí quản lý tăng lên 100 tỷ đồng, gấp 4 lần quý IV/2022.

Kết quả, Vinafood II báo lãi sau thuế 31,1 tỷ đồng, tăng 95% so với cùng kỳ. Đây là quý có lợi nhuận cao nhất của doanh nghiệp trong 6 quý vừa qua, kể từ quý 3/2022.

Lũy kế năm 2023, Vinafood II ghi nhận doanh thu hơn 23.000 tỷ đồng, tăng 33% so với năm 2022 và đạt 150,5% so với kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 62,7 tỷ đồng, gấp gần 3 lần cùng kỳ năm trước. Đây là kỷ lục lợi nhuận của Vinafood II kể từ khi niêm yết trên sàn chứng khoán.

Trong năm 2024, Vinafood 2 đề ra các mục tiêu gồm: Đảm bảo mua vào quy gạo 936.000 tấn, tăng 103,25% so với kế hoạch năm 2023, xuất khẩu đạt 428,511 triệu USD, tăng 128,26% so với kế hoạch 2023. Doanh thu đạt 17.105 tỷ đồng đạt 111,62% so kế hoạch 2023, lợi nhuận toàn Tổng công ty lãi 105,160 tỷ đồng.

Phần V: CHÍNH SÁCH



Cả nước có 161 thương nhân đủ điều kiện xuất khẩu gạo

Theo Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương), tính đến ngày 22/1/2024, cả nước có 161 thương nhân được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo.

Tính đến ngày 22/1/2024, cả nước có 161 thương nhân được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo. Đây là thông tin vừa được Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương) công bố.

TP.HCM là địa phương có nhiều thương nhân xuất khẩu gạo nhất, với 36 thương nhân (giảm 1 thương nhân so với danh sách công bố hồi tháng 10/2023); tiếp đến là Cần Thơ 34 thương nhân, Long An 22 thương nhân, Đồng Tháp 15 thương nhân, An Giang 14 thương nhân.

Một số địa phương chỉ có 1 thương nhân đủ điều kiện xuất khẩu gạo là Hà Nam, Hậu Giang, Khánh Hòa, Lạng Sơn, Thanh Hóa.

Như vậy, so với thời điểm giữa năm, số thương nhân đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo đã giảm đi đáng kể. Còn nhớ, trong danh sách hồi giữa tháng 8/2023, cả nước có tổng cộng 210 thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo, nhưng đến tháng 10/2023 chỉ còn 170 thương nhân.

Ấn Độ có thể gia hạn thuế xuất khẩu gạo

Chính phủ của Thủ tướng Narendra Modi, người hiện tham gia tranh cử cho nhiệm kỳ thứ ba, đang xem xét giữ thuế xuất khẩu gạo ở mức 20%. Mức thuế này hiện sẽ hết hiệu lực

vào ngày 31/03. Nguồn tin của *Bloomberg* cho biết thêm hiện chưa có đề xuất cấm xuất khẩu gạo đột ngột lập tức.

Nếu đúng, động thái này có thể khiến giá gạo châu Á tăng lên. Đó sẽ là tin xấu đối với một số quốc gia ở Tây Phi và Trung Đông, những thị trường dựa vào nguồn cung gạo từ Ấn Độ để đáp ứng phần lớn nhu cầu trong nước.

Hiện giá gạo đã dao động gần mức cao nhất 15 năm sau khi Ấn Độ bắt đầu hạn chế xuất khẩu các loại gạo chính trong năm 2023.

Việc gia hạn thuế xuất khẩu với gạo đột ngột sẽ là một phần trong các biện pháp quyết liệt của Chính phủ Ấn Độ nhằm kiểm soát lạm phát lương thực đã tăng gần 10% trong tháng 12 so với một năm trước đó. Ấn Độ đã hạn chế xuất khẩu lúa mì, đường và hầu hết loại gạo, đồng thời hạn chế tình trạng tích trữ.

Tuy nhiên, giá gạo bán lẻ ở Delhi vẫn cao hơn khoảng 11% so với một năm trước. Bộ trưởng Thực phẩm Piyush Goyal mới đây đã phát động chương trình cung cấp gạo trợ cấp cho khách hàng cá nhân trên toàn quốc. Chính phủ cũng đã bán bột mì và đậu xanh với giá rẻ hơn thị trường.

Theo dữ liệu của chính phủ, tổng xuất khẩu gạo của Ấn Độ đã giảm 29% so với một năm trước đó xuống còn 12.3 triệu tấn trong khoảng thời gian từ ngày 1/4/2023 đến ngày 21/1/2024. Xuất khẩu gạo đột giảm 6.5% xuống 5.8 triệu tấn trong cùng kỳ.

Quốc gia Nam Á này chiếm khoảng 40% thương mại gạo toàn cầu trong năm 2022-2023.

Phụ lục

NGUỒN THAM KHẢO

Bộ Công Thương
Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA)
Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn
Tổng cục Hải quan
Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA)
Hội đồng ngũ cốc quốc tế (IGC)
Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO)

Tổng cục Hải quan Trung Quốc
Bộ Thương Mại Ấn Độ
Reuters
Phnompenhpost
Bloomberg
Pakistantoday

BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường lúa gạo tháng 1/2024” được biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kỳ chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

ĐỂ THEO DÕI NHỮNG BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI, XIN TRUY CẬP:

- Mục Báo cáo hàng hóa - Chuyên mục Hàng hóa VietnamBiz
- Báo cáo thị trường lúa gạo tháng 10/2023
- Báo cáo thị trường lúa gạo tháng 11/2023
- Báo cáo thị trường lúa gạo năm 2023

THỰC HIỆN:

Nội dung: **Hoàng Hiệp**

Thiết kế: **Alex Chu**

MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG, XIN LIÊN HỆ TỚI:

Mrs. Trịnh Huyền Trang

Thư ký toà soạn phụ trách mục Hàng hóa - trang TTĐTTH VietnamBiz

Hotline: 099 522 2999

Email: info@vietnambiz.vn



Địa chỉ: Lầu 3 Tòa nhà COMPA Building, 293 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Chi nhánh: Số 5, ngõ 38A, Phố Trần Phú, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

Hotline: 0938.189.222 **Email:** info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi  VIETNEWS CORP